

Số: /2026/TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo lần 2

THÔNG TƯ

Quy định danh mục, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và danh mục, thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2021/NĐ-CP và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định danh mục, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và danh mục, thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định chi tiết:

1. Danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thường xuyên, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tổ chức cán bộ và một số lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Danh mục các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) trong lĩnh vực đó sau khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Người có chức vụ, quyền hạn là những người theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14.

2. Người thôi giữ chức vụ, quyền hạn là người có chức vụ, quyền hạn được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thôi việc, nghỉ hưu, bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc hoặc chuyển ra khỏi cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước là những cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng số 132/2025/QH15.

4. Các chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

Điều 3. Danh mục vị trí công tác phải thực hiện định kỳ chuyển đổi

1. Thẩm định nhân sự đề trình cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Tổ chức tuyển dụng, bố trí, sử dụng công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

3. Thẩm định hồ sơ đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy, biên chế.

4. Thẩm định các đề án thành lập mới, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp nhà nước, tổ chức phi chính phủ, hội nghề nghiệp.

5. Thẩm định và công nhận hồ sơ địa giới hành chính các cấp; hồ sơ đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính; hồ sơ đề án và quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, phường, đặc khu loại đặc biệt.

6. Thẩm định đề án thí điểm cải cách hành chính do các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ.

7. Thẩm định, trình Chính phủ phê duyệt điều lệ các hội thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.

8. Thẩm định hồ sơ đề trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

9. Phân bổ chỉ tiêu, ngân sách đào tạo.

10. Quản lý, thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

11. Thẩm định hồ sơ người có công với cách mạng.

12. Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh về dịch vụ lưu trữ, chứng chỉ hành nghề lưu trữ.

13. Thẩm định và cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài tại Việt Nam.

14. Thẩm định và cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

15. Thẩm định và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn và hoạt động kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

16. Thẩm định hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh thông tin giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hồ sơ đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

Điều 4. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thường xuyên, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc theo quy định tại Điều 3 Thông tư này là từ đủ 03 năm đến 05 năm.

Điều 5. Danh mục các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ mà người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp trong lĩnh vực đó sau khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn

1. Lưu trữ.

2. Việc làm.

3. Kỹ năng nghề.

4. An toàn, vệ sinh lao động.

5. Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

6. Chương trình, dự án, đề án thuộc các lĩnh vực được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này do người thôi giữ chức vụ, quyền hạn khi đang là cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp nghiên cứu, xây dựng hoặc thẩm định, phê duyệt.

Điều 6. Thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp trong lĩnh vực đó sau khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn

1. Đối với người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: Thời hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp trong các lĩnh vực quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Thông tư này là đủ 12 tháng kể từ ngày thôi quyền hạn theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Đối với người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: Thời hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp trong các lĩnh vực quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Thông tư này là đủ 24 tháng kể từ ngày thôi chức vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Đối với người thôi giữ chức vụ, quyền hạn khi đang công tác trực tiếp nghiên cứu, xây dựng hoặc thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án, đề án tại khoản 6 Điều 5 Thông tư này, thời hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp là thời hạn thực hiện xong chương trình, dự án, đề án theo quyết định phê duyệt hoặc xác nhận của cấp có thẩm quyền.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Bãi bỏ Thông tư số 3/2022/TT-BNV ngày 12 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tổ chức cán bộ ở địa phương.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; Cổng Thông tin điện tử của Bộ Nội vụ; Cổng pháp luật Việt Nam; Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, TCCB (5b).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Hải